

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM- ST

Ngày 26/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Hùng Hưng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miên.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/9/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam (Viết tắt: Ngân hàng TMCP C Việt Nam hoặc Ngân hàng), trụ sở: 108 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Hoàng Văn Á, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Cg Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 266/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C, ông Á có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T, cùng địa chỉ: tổ dân phố , thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP C Việt Nam ( Đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn Á) trình bày:

Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số 1282/2018- HĐCVHM/NHCT500- TRAN THI TUYET N thì ngày 30/10/2018 bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T vay của Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai: 1.100.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 06 tháng; lãi suất cho vay 9,3%/năm, lãi suất cho vay có thể thay đổi từng thời điểm theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; trả lãi hàng

tháng vào ngày một (01) hàng tháng; ngày đến hạn trả nợ gốc: 02/05/2019; mục đích vay vốn: mua bán nông sản.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng bà N và ông T ký kết 02 hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1157/HĐTC ngày 18/10/2017. Theo đó, bà N và ông T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 149, diện tích đất là 14703,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 149, diện tích 1990m<sup>2</sup>, tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 045112 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/10/2017).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 958/HĐTC ngày 22/08/2017. Theo đó, bà N và ông T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 36, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 9110m<sup>2</sup>, tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 556551 do UBND Huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/12/2006).

Mặc dù hợp đồng cho vay chỉ đứng tên một mình bà Trần Thị Tuyết N nhưng thực tế, cả ông Nguyễn Đình T cùng vợ là bà N cùng ký Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay và trả nợ, cùng ký 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Đến thời hạn trả nợ gốc là ngày 02/05/2019, bà N, ông T hàng không trả được nợ, do đó toàn bộ khoản nợ của bà N và ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần thông báo trả nợ nhưng bà N, ông T không trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà N, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2020) là: 220.125.068 đồng.
- Tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 27/9/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Nếu bà N, ông T không tự nguyện trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên để thu hồi nợ.

\* Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của bà N, ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà N, ông T trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam 1.100.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 220.125.068 đồng.

Buộc bà N, ông T chịu toàn bộ án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP C Việt Nam khởi kiện bà Trần Thị Tuyết N (bà N là cá nhân có đăng ký kinh doanh) và ông Nguyễn Đình T để thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng TMCP C Việt Nam là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ hợp đồng vay hạn mức ngày 30/10/2018, Giấy nhận nợ ngày 30/10/2018 và các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, có căn cứ để nhận định:

Ngày 30/10/2018 bà N và ông T vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam 1.100.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 06 tháng; ngày đến hạn trả nợ gốc: 02/05/2019; lãi suất cho vay: 9,3%/năm; lãi suất cho vay có thể thay đổi từng thời điểm theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; trả lãi hàng tháng, trả vào ngày một (01) hàng tháng.

Bà N và ông T thế chấp quyền sử dụng các thửa đất số 17, 19; tờ bản đồ số 149 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1157/HĐTC ngày 18/10/2017; thế chấp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 28 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 958/HĐTC ngày 22/08/2017.

Kể từ khi vay đến nay, bà N và ông T không trả nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai 1.100.000.000 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 220.125.068 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 27/9/2020 cho đến khi trả nợ xong.

[4] Trường hợp bà N và ông T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất số 17, 19; tờ bản đồ số 149 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 28 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để thu hồi nợ. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2020 thì trên 03 thửa đất đang trồng mỳ (sắn) và bắp (ngô).

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp đủ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên Ngân hàng không phải chịu. Bà N và ông T có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí: Buộc bà N và ông T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

1. Buộc ông bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai) các khoản:

- Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng;
- Tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 220.125.068 đồng;

Tổng cộng là: 1.320.125.068 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi tám đồng).

2. Trường hợp bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất số 17, 19; tờ bản đồ số 149 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1157/HĐTC ngày 18/10/2017 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 28 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản này theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 958/HĐTC ngày 22/08/2017 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà N và ông T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

4. Về án phí: Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đình T chịu 51.603.752 đồng (năm mươi một triệu sáu trăm lẻ ba ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP C Việt Nam không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.675.000 (hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008174 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

5. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 27/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên

thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lại Hùng Hưng**